

Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ62,200

Tiềm năng tăng/giảm: 25.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (25/7/2024)	49,400
Mã Bloomberg	VGC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	42,106-59,900
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	49,225
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	22,148
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	876
Slg CP lưu hành (tr.đv)	448
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	220
Slg CP NN được mua (tr.đv)	25.3
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	5.65%
Tỷ lệ freefloat	11.2%
Cổ đông lớn	Hạ tầng Gelex (50.2%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	13,194	12,589	13,809
EBITDA đc (tỷ đồng)	5,007	4,705	5,046
LNTT (tỷ đồng)	1,602	1,491	1,691
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,218	1,149	1,244
FCF (tỷ đồng)	(866)	2,802	658
EPS ĐC (đồng)	2,717	2,563	2,775
DPS (đồng)	2,076	2,250	2,000
BVPS (đồng)	17,516	17,829	18,603
T.trưởng EBITDA (%)	2.03	(6.03)	7.26
T.trưởng EPS ĐC (%)	(29.5)	(5.67)	8.27
Tăng trưởng DPS (%)	(20.5)	8.40	(11.1)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	37.9	37.4	36.5
Tỷ suất LNTT (%)	12.1	11.8	12.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.23	9.13	9.01
Tỷ lệ LN trả CT (%)	76.4	87.8	72.1
Nợ thuần/VCSH (%)	62.3	41.3	42.7
ROAE (%)	15.7	14.5	15.2
ROACE (%)	12.9	11.6	12.2
EV/doanh thu (lần)	1.93	1.88	1.73
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.08	5.03	4.73
P/E ĐC (lần)	18.2	19.3	17.8
P/B (lần)	2.82	2.77	2.66
Lợi suất cổ tức (%)	4.20	4.55	4.05

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Viglacera là một trong những chủ đầu tư phát triển KCN lớn nhất và doanh nghiệp vật liệu xây dựng hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Phạm Ngọc Trung
Chuyên Viên, Ngành Bất Động Sản
trung.ph@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Hồ Thị Kiều Trang, CFA
Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Q2/2024: KQKD giảm SVCK nhưng sát với dự báo

- VGC báo cáo lợi nhuận thuần Q2/2024 ở mức 159 tỷ đồng, giảm 73,3% so với cùng kỳ trên doanh thu 2,7 nghìn tỷ đồng, giảm 31% so với cùng kỳ. Lợi nhuận mảng BĐS KCN giảm từ mức nền cao của năm 2023 trong khi tỷ suất lợi nhuận mảng VLXD phần nào phục hồi nhưng thấp hơn một chút so với năm ngoái. KQKD sát với dự báo của HSC.
- Doanh thu và LNTT nửa đầu năm 2024 đạt lần lượt 43% và 38% dự báo cho năm 2024 của chúng tôi, hoàn thành lần lượt 40% và 52% KHKD BLĐ đề ra cho năm 2024.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 6,5% trong 1 tháng qua, VGC đang giao dịch với mức chiết khấu 21,5% so với RNAV, lớn hơn bình quân 3 năm ở mức 9,3%. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2024

VGC báo cáo lợi nhuận thuần Q2/2024 ở mức 159 tỷ đồng, giảm 73,3% so với cùng kỳ trên doanh thu 2,7 nghìn tỷ đồng, giảm 31% so với cùng kỳ. KQKD vừa được công bố sát với dự báo của chúng tôi (dù ghi nhận giảm so với cùng kỳ).

Doanh thu mảng BĐS KCN giảm 66,4% so với cùng kỳ (từ mức nền cao của Q2/2023), đạt 542 tỷ đồng nhờ bàn giao 20 ha đất KCN với giá khoảng 111 USD/m². Tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng này được ghi nhận ở mức khá ổn định 50,7% (Q2/2023 đạt 50,7%; Q1/2024 đạt 52,7%) và sát với dự báo của chúng tôi. Trong nửa đầu năm 2024, VGC bàn giao khoảng 57 ha đất KCN, hoàn thành lần lượt 33% và 35% kế hoạch BLĐ đề ra cho cả năm 2024 (173 ha) và dự báo cho cả năm của chúng tôi (165 ha). HSC dự báo VGC sẽ đẩy mạnh hoạt động bàn giao trong nửa cuối năm 2024, đặc biệt ở KCN Phú Hà (Phú Thọ), KCN Tiên Hải (Thái Bình), KCN Yên Phong II C (Bắc Ninh), và KCN Yên Mỹ (Hưng Yên). Chúng tôi ước tính Công ty hiện có hơn 60 ha đất KCN chưa bàn giao tính đến cuối Q2/2024.

Đối với mảng VLXD, mặc dù doanh thu giảm 9,4% so với cùng kỳ, nhưng phục hồi mạnh so với quý trước ở mức 36% đạt 1,8 nghìn tỷ đồng. Trong tất cả các phân khúc sản phẩm, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh ghi nhận tăng trưởng doanh thu tốt, lần lượt ở mức 57% và 76% so với quý trước (tương ứng tăng 0,3% và giảm 12,1% so với cùng kỳ). Doanh thu kính xây dựng phục hồi nhẹ 1,1% so với quý trước (giảm 25,5% so với cùng kỳ, chủ yếu do việc tạm dừng hoạt động nhà máy kính nổi Viglacera (VIFG) tại Bình Dương) để bảo trì và nâng cấp dây chuyền sản xuất. Doanh thu gạch đất nung tăng 20,4% so với quý trước nhưng giảm 9,8% so với cùng kỳ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 28/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024, VGC

Tỷ đồng	Q2/23	Q2/24	% sv cùng kỳ	6T2023	6T2024	% sv cùng kỳ
Tổng doanh thu	3,928	2,712	-31.0%	6,703	5,351	-20.2%
- BĐS	1,627	601	-63.1%	2,764	1,698	-38.6%
- Vật liệu xây dựng	2,030	1,839	-9.4%	3,547	3,191	-10.0%
- Mảng khác	271	272	0.4%	391	461	18.0%
Lợi nhuận gộp	1,219	654	-46.3%	1,885	1,392	-26.1%
Chi phí BH&QL	348	360	3.4%	691	660	-4.6%
LNTT	221	344	55.7%	1,741	357	-79.5%
Lợi nhuận thuần	594	159	-73.3%	787	365	-53.7%

Nguồn: VGC, HSC

Tỷ suất lợi nhuận cải thiện mạnh đúng như dự báo, đạt 15,8% trong Q2/2024 (cao hơn mức 8,3% trong Q1/2024 và 13,2% trong năm 2023) nhờ tỷ suất lợi nhuận sản phẩm gạch ốp lát cải thiện (lên 17,7% trong Q2/2024 so với 13,8% trong Q1/2024 và 16,6% trong Q2/2023) và sự phục hồi mạnh mẽ của tỷ suất lợi nhuận kính xây dựng (lên 14,4% trong Q2/2024 so với -0,3% trong Q2/2023 và -1,8% trong Q1/2024).

Theo BLĐ, giá kính xây dựng cải thiện trong Q2/2024 trong khi gạch ốp lát ghi nhận tăng trưởng doanh thu – bao gồm sự tăng trưởng không ngừng của doanh thu xuất khẩu với giá bán cao hơn giúp cải thiện tỷ suất lợi nhuận. Chúng tôi cho rằng điều này khá hợp lý và kỳ vọng sẽ tiếp nối đà hồi phục trong nửa cuối năm 2024. Trong trung và dài hạn, sự phục hồi của thị trường BĐS, doanh thu xuất khẩu tăng, việc ra mắt sản phẩm kính và gạch ốp lát chất lượng cao và việc mở rộng công suất sản xuất của nhà máy kính nổi siêu trắng Phú Mỹ (lên 1.500 tấn/ngày từ mức 600 tấn/ngày) sẽ là những động lực tăng trưởng của Công ty.

Doanh thu và LNTT nửa đầu năm 2024 đạt lần lượt 43% và 38% dự báo cho năm 2024 của chúng tôi. Kết quả trên cũng hoàn thành lần lượt 40% và 52% KHKD BLĐ đề ra cho năm 2024.

Bảng CĐKT

Tính đến cuối Q2/2024, nợ thuần giảm 1,6% so với quý trước nhưng tăng 23,1% so với đầu năm đạt 3,3 nghìn tỷ đồng, chủ yếu do tổng vốn đầu tư phát triển các dự án KCN và KDC như KCN Thuận Thành (Bắc Ninh) và dự án khu du lịch sinh thái cao cấp Vân Hải (Quảng Ninh). Tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH ở mức 0,34 lần vào cuối Q2/2024, cao hơn so với mức 0,28 lần vào cuối năm 2023. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, mức này vẫn an toàn. Các khoản khác như hàng tồn kho và vốn đầu tư BĐS không thay đổi nhiều so với số liệu năm 2023.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 6,5% trong 1 tháng qua, VGC đang giao dịch với mức chiết khấu 21,5% so với RNAV, lớn hơn bình quân 3 năm ở mức 9,3%. Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp theo quý, VGC

Doanh thu mảng vật liệu xây dựng tăng 36% so với quý trước (nhưng giảm 9,4% so với cùng kỳ) trong khi tỷ suất lợi nhuận tăng lên 15,8% từ mức 8,3% trong Q1/2024

Tỷ đồng	Q1/23	Q2/23	% sv quý trước	Q3/23	% sv quý trước	Q4/23	% sv quý trước	Q1/24	% sv quý trước	% sv cùng kỳ	Q2/24	% sv quý trước	% so với cùng kỳ
Doanh thu													
BĐS	1,138	1,627	43.0%	1,131	-30.5%	719	-36.4%	1,098	52.6%	-3.5%	601	-45.3%	-63.1%
Vật liệu xây dựng	1,517	2,030	33.8%	2,061	1.5%	2,198	6.6%	1,352	-38.5%	-10.9%	1,839	36.0%	-9.4%
Mảng khác	120	271	125.9%	279	3.1%	252	-9.7%	189	-24.9%	57.8%	272	43.7%	0.4%
Tổng doanh thu	2,775	3,928	41.6%	3,471	-11.6%	3,169	-8.7%	2,639	-16.7%	-4.9%	2,712	2.7%	-31.0%
Lợi nhuận gộp													
BĐS	436	898	105.9%	708	-21.1%	327	-53.8%	576	76.3%	32.1%	288	-50.0%	-67.9%
Vật liệu xây dựng	182	274	50.5%	293	6.9%	282	-3.8%	112	-60.2%	-38.3%	291	158.9%	6.1%
Mảng khác	48	47	-1.3%	69	44.9%	105	53.0%	50	-52.5%	4.0%	76	51.2%	59.3%
Tổng lợi nhuận gộp	666	1,219	83.0%	1,069	-12.3%	714	-33.3%	738	3.5%	10.9%	654	-11.4%	-46.3%
Tỷ suất lợi nhuận gộp													
BĐS	38.3%	55.2%		62.6%		45.4%		52.5%			47.9%		
Vật liệu xây dựng	12.0%	13.5%		14.2%		12.8%		8.3%			15.8%		
Mảng khác	40.1%	17.5%		24.6%		41.7%		26.4%			27.8%		
Tỷ suất lợi nhuận gộp	24.0%	31.0%		30.8%		22.5%		28.0%			24.1%		

Nguồn: VGC, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	14,592	13,194	12,589	13,809	15,230
Lợi nhuận gộp	4,238	3,519	3,385	3,716	4,279
Chi phí BH&QL	(1,848)	(1,568)	(1,555)	(1,737)	(1,846)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	2,390	1,951	1,830	1,979	2,433
Lãi vay thuần	(175)	(300)	(286)	(299)	(285)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	112	(36.4)	(40.7)	22.6	46.0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(21.8)	(12.1)	(12.1)	(12.1)	(12.1)
LNTT	2,305	1,602	1,491	1,691	2,182
Chi phí thuế TNDN	(392)	(440)	(298)	(334)	(427)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(185)	55.9	(44.1)	(113)	(213)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,728	1,218	1,149	1,244	1,542
Lợi nhuận thuần ĐC	1,728	1,218	1,149	1,244	1,542
EBITDA ĐC	4,907	5,007	4,705	5,046	5,749
EPS (đồng)	3,855	2,717	2,563	2,775	3,439
EPS ĐC (đồng)	3,855	2,717	2,563	2,775	3,439
DPS (đồng)	2,612	2,076	2,250	2,000	2,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	448	448	448	448	448
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	448	448	448	448	448
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	448	448	448	448	448

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	2,019	1,842	2,375	2,648	3,456
Đầu tư ngắn hạn	129	627	627	627	627
Phải thu khách hàng	1,183	1,116	1,142	1,542	1,418
Hàng tồn kho	4,235	4,740	3,179	4,611	3,701
Các tài sản ngắn hạn khác	542	779	779	779	779
Tổng tài sản ngắn hạn	8,108	9,104	8,102	10,208	9,982
TSCĐ hữu hình	5,217	5,225	5,193	5,081	4,940
TSCĐ vô hình	166	160	154	147	140
Bất động sản đầu tư	1,952	1,942	1,153	248	(537)
Đầu tư dài hạn	8.22	8.22	8.22	8.22	8.22
Đầu tư vào Cty LD,LK	680	430	389	412	458
Tài sản dài hạn khác	6,827	7,229	7,858	8,536	9,528
Tổng tài sản dài hạn	14,851	14,996	14,755	14,432	14,537
Tổng cộng tài sản	22,959	24,099	22,857	24,640	24,518
Nợ ngắn hạn	1,959	2,897	1,721	1,940	1,940
Phải trả người bán	1,590	1,576	1,200	1,969	1,400
Nợ ngắn hạn khác	2,230	1,865	1,865	1,865	1,865
Tổng nợ ngắn hạn	8,391	8,337	6,984	7,996	7,698
Nợ dài hạn	1,657	2,237	2,153	2,447	1,740
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	144	161	161	161	161
Nợ dài hạn khác	3,273	3,414	3,424	3,441	3,466
Tổng nợ dài hạn	5,074	5,812	5,738	6,048	5,367
Tổng nợ phải trả	13,873	14,575	13,149	14,471	13,491
Vốn chủ sở hữu	7,616	7,853	7,993	8,341	8,986
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,470	1,671	1,715	1,829	2,042
Tổng vốn chủ sở hữu	9,085	9,524	9,709	10,169	11,027
Tổng nợ phải trả và VCSH	22,959	24,099	22,857	24,640	24,518
BVPS (đ)	16,986	17,516	17,829	18,603	20,042
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,598	3,293	1,500	1,739	224

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	2,390	1,951	1,830	1,979	2,433
Khấu hao	(2,517)	(3,056)	(2,875)	(3,067)	(3,317)
Lãi vay thuần	(175)	(300)	(286)	(299)	(285)
Thuế TNDN đã nộp	(392)	(440)	(298)	(334)	(427)
Thay đổi vốn lưu động	(1,918)	(1,783)	1,369	(1,023)	762
Khác	53.1	218	(12.1)	(12.1)	(12.1)
LCT thuần từ HKKD	2,474	2,702	5,478	3,379	5,787
Đầu tư TS dài hạn	(2,751)	(3,568)	(2,675)	(2,721)	(3,376)
Góp vốn & đầu tư	(898)	(594)	0	0	0
Thanh lý	1,004	86.0	0	0	0
Khác	122	311	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(2,523)	(3,764)	(2,675)	(2,721)	(3,376)
Cổ tức trả cho CSH	(1,171)	(931)	(1,009)	(897)	(897)
Thu từ phát hành CP	100	294	0	0	0
Tăng/giảm nợ	483	1,578	(1,260)	512	(707)
Khác	(55.2)	(59.8)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(643)	882	(2,269)	(385)	(1,604)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,711	2,019	1,842	2,375	2,648
LCT thuần trong kỳ	(692)	(180)	533	273	808
Ảnh hưởng của tỷ giá	(1.09)	3.30	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,019	1,842	2,375	2,648	3,456
Dòng tiền tự do	(277)	(866)	2,802	658	2,412

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	29.0	26.7	26.9	26.9	28.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	33.6	37.9	37.4	36.5	37.7
Tỷ suất LNT (%)	11.8	9.23	9.13	9.01	10.1
Thuế TNDN hiện hành (%)	17.0	27.4	20.0	19.7	19.6
Tăng trưởng doanh thu (%)	30.4	(9.58)	(4.58)	9.69	10.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	37.9	2.03	(6.03)	7.26	13.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	41.2	(29.5)	(5.67)	8.27	23.9
Tăng trưởng EPS (%)	41.2	(29.5)	(5.67)	8.27	23.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	41.2	(29.5)	(5.67)	8.27	23.9
Tăng trưởng DPS (%)	137	(20.5)	8.40	(11.1)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	67.8	76.4	87.8	72.1	58.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	23.5	15.7	14.5	15.2	17.8
ROACE (%)	17.1	12.9	11.6	12.2	14.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.65	0.56	0.54	0.58	0.62
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.04	1.39	2.99	1.71	2.38
Số ngày tồn kho	149	179	126	167	123
Số ngày phải thu	41.7	42.1	45.3	55.8	47.3
Số ngày phải trả	56.1	59.5	47.6	71.2	46.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.5	62.3	41.3	42.7	25.8
Nợ/tài sản (%)	26.2	27.9	24.8	25.2	23.5
EBIT/lãi vay (lần)	13.6	6.50	6.40	6.63	8.54
Nợ/EBITDA (lần)	1.23	1.34	1.21	1.23	1.00
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.97	1.09	1.16	1.28	1.30
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.63	1.93	1.88	1.73	1.47
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.84	5.08	5.03	4.73	3.89
P/E (lần)	12.8	18.2	19.3	17.8	14.4
P/E ĐC (lần)	12.8	18.2	19.3	17.8	14.4
P/B (lần)	2.91	2.82	2.77	2.66	2.46
Lợi suất cổ tức (%)	5.29	4.20	4.55	4.05	4.05

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn